

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2013/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ
có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người
hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1247/TTr-SGTVT ngày 23 tháng 8 năm 2013 về việc ban hành Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người (kể cả bè) hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khôi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ
có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người
hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về điều kiện an toàn, cách xác định các kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn và công tác quản lý đối với phương tiện thủy nội địa thô sơ khi hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có sử dụng, kinh doanh phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người (kể cả bè).

Quy định này không áp dụng đối với phương tiện thủy làm nhiệm vụ trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tàu cá và thể thao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Phương tiện thủy nội địa thô sơ* (sau đây gọi là phương tiện thủy thô sơ): Là phương tiện không có động cơ, chỉ di chuyển bằng sức người hoặc sức gió, sức nước, bao gồm: Thuyền, đồ chèo tay, phương tiện gia dụng, bè, xe đạp nước,...

2. *Điều kiện an toàn*: Là các điều kiện bắt buộc của phương tiện để đảm bảo an toàn trong quá trình phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa.

3. *Các kích thước cơ bản bao gồm*: Chiều dài lớn nhất, chiều rộng lớn nhất, chiều cao mạn và phần chìm trong nước của phương tiện.

4. *Mạn khô*: Là chiều cao của phần thân phương tiện từ mép trên vạch dấu mớn nước an toàn đến mép mạn ở giữa chiều dài lớn nhất.

5. *Sức chở của phương tiện*: Là trọng tải toàn phần hoặc sức chở người của phương tiện ứng với vạch dấu mớn nước an toàn.

6. *Dụng cụ nổi cứu sinh*: Là các vật dụng nổi dùng làm phao cứu người, bao gồm: Phao tròn, áo phao, phao hộp, ...

7. *Dụng cụ hoạt động*: Là các công cụ thô sơ mà người lái sử dụng để tác động cho phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa, bao gồm: Chèo, sào, dây, buồm, bộ truyền động,...

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện an toàn

1. Thân phương tiện phải được thiết kế chắc chắn, không bị thủng, không bị rò nước vào bên trong; phương tiện chở người phải có đủ chỗ cho người ngồi cân bằng trên phương tiện và đủ dụng cụ cứu sinh cho số người được phép chở trên phương tiện.

2. Mạn khô của phương tiện chở hàng phải đảm bảo bằng 100mm; mạn khô của phương tiện chở người phải đảm bảo bằng 200mm.

3. Phương tiện phải được ghi rõ kích thước, sức chở và sơn vạch dấu mớn nước an toàn.

4. Dụng cụ hoạt động phải đảm bảo đủ điều kiện kỹ thuật để người lái điều khiển phương tiện hoạt động an toàn trong mọi tình huống, không được để hư hỏng: Mực, rách nát hoặc mất công dụng.

Điều 4. Thời gian hoạt động của phương tiện

1. Phương tiện được phép hoạt động ban ngày:

Từ tháng 4 đến tháng 9: Thời gian hoạt động từ 5 giờ đến 18 giờ 30 phút.

Từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau: Thời gian hoạt động từ 6 giờ đến 17 giờ 30 phút.

2. Không hoạt động khi thời tiết xấu, dòng nước xoáy, chảy xiết, tầm nhìn bị hạn chế.

3. Không hoạt động ở những nơi không đảm bảo điều kiện an toàn.

Điều 5. Xác định các kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn phương tiện

1. Xác định các kích thước cơ bản của phương tiện.

a) Chiều dài lớn nhất (ký hiệu $L_{\max}$), tính bằng mét, đo theo chiều dọc ở mặt phẳng dọc tâm từ mút lái đến mút mũi của phương tiện;

b) Chiều rộng lớn nhất (ký hiệu $B_{\max}$), tính bằng mét, đo theo chiều ngang ở mặt cắt rộng nhất của phương tiện;

c) Chiều cao mạn (ký hiệu D) tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép mạn phương tiện ở vị trí giữa chiều dài $L_{\max}$;

d) Chiều chìm (phần chìm trong nước, ký hiệu d) tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép trên của vạch dấu mớn nước an toàn ở vị trí giữa chiều dài $L_{\max}$.

2. Xác định sức chở của phương tiện.

a) Đối với phương tiện chở hàng: Sức chở là trọng tải toàn phần (dưới 01 tấn) được xếp trực tiếp và cân bằng trên phương tiện đảm bảo mạn khô của phương tiện bằng 100mm;

b) Đối với phương tiện chở người: Sức chở là số người (dưới 05 người) xếp đủ chỗ ngồi và cân bằng trên phương tiện đảm bảo mạn khô của phương tiện bằng 200mm.

3. Sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện.

Dấu mớn nước an toàn của phương tiện được sơn bằng một vạch sơn có màu khác với màu sơn mạn phương tiện, vạch sơn có chiều rộng 25mm, chiều dài 250mm nằm ngang trên hai mạn tại vị trí giữa của chiều dài $L_{\max}$, cách mép mạn 100mm đối với phương tiện chở hàng; cách mép mạn 200mm đối với phương tiện chở người.

Chương III

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ngành Thành phố

1. Sở Giao thông vận tải

a) Tổng hợp, theo dõi, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trong công tác quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ hoạt động trên tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn phụ trách và việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

b) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều kiện an toàn và quản lý đối với các phương tiện thủy nội địa thô sơ, chủ phương tiện và người lái phương tiện;

c) Phối hợp với các ngành: Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Công an Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện việc phát triển hoặc hạn chế hoạt động đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ; tổ chức lực lượng kiểm tra, xử lý vi phạm về giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố; đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng những địa phương, tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa.

2. Công an Thành phố

a) Thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người (kể cả bè) hoạt động trên tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn Thành phố;

b) Tổ chức lực lượng cảnh sát đường thủy tuần tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao thông đường thủy nội địa đối với người và phương tiện tham gia hoạt động giao thông đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật; thống kê, cung cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp và các ngành có liên quan các số liệu và tình hình tai nạn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố; thực hiện các công tác liên quan đến giao thông đường thủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

1. Tổ chức, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong công tác quản lý nhà nước về điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người (kể cả bè) hoạt động trên tuyến đường thủy nội địa trong phạm vi địa giới hành chính được quản lý.

2. Phối hợp với các ngành chức năng: Giao thông vận tải, Công an Thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra xử lý các vi phạm quy định về an toàn của phương tiện thô sơ tham gia hoạt động giao thông đường thủy nội địa tại địa phương.

3. Chịu trách nhiệm toàn diện về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tổ chức cứu hộ, cứu nạn, giải quyết hậu quả các vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ trên phạm vi địa giới hành chính được quản lý.

4. Tổ chức để các chủ khai thác bến thủy nội địa có phương tiện thô sơ hoạt động vui chơi giải trí (xe đạp nước, ...) ký cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức, chỉ đạo chủ phương tiện kê khai phương tiện thủy nội địa thô sơ, định kỳ hàng năm báo cáo tình hình quản lý phương tiện tại địa phương về Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và Sở Giao thông vận tải theo Mẫu Phụ lục 1 (trước ngày 31 tháng 12 hàng năm).

2. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân có phương tiện thô sơ tham gia hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn chấp hành các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; kịp thời xử lý các sự cố, hành vi vi phạm pháp luật về an toàn giao thông đường thủy nội địa theo thẩm quyền.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn trên địa bàn quản lý do phương tiện không đủ các điều kiện an toàn hoặc thiếu dụng cụ cứu sinh trong quá trình hoạt động.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ phương tiện

1. Đo các kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện theo quy định tại Điều 5 của Quyết định này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đo và việc sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện.

2. Kê khai điều kiện an toàn của phương tiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Quyết định này và nộp về Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; có trách nhiệm duy trì và đảm bảo các điều kiện an toàn của phương tiện theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này khi phương tiện hoạt động.

3. Hướng dẫn và yêu cầu hành khách trên phương tiện sử dụng phao cứu sinh theo đúng quy cách. Từ chối phục vụ đối với các hành khách không tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Thông báo với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để xóa tên và đăng ký thay đổi chủ sở hữu phương tiện trong sổ quản lý phương tiện của địa phương trong các trường hợp sau:

- a) Phương tiện bị mất tích;
- b) Phương tiện bị phá hủy;
- c) Phương tiện không còn khả năng hoạt động do hư hỏng;
- d) Phương tiện được bán cho chủ phương tiện khác.

Chương IV

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Kiểm tra, xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quyết định này bị xử lý theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kịp thời phản ánh gửi về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khôi